ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2357/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác và cung ứng nước khoáng; sản xuất, kinh doanh các dịch vụ sử dụng nước khoáng Mỹ Lâm tại phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty cổ phần Phú Lâm Global tại Văn bản số 46/2026/CV-PL.GLOBAL ngày 09 tháng 9 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 857/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác và cung ứng nước khoáng; sản xuất, kinh doanh các dịch vụ sử dụng nước khoáng Mỹ Lâm tại phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần Phú Lâm Global (sau đây gọi là Chủ dự án), với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của chủ dự án sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, việc thực hiện các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án, bao gồm các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 2999/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được thực hiện theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phú Lâm Global và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 bản chính);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (bản chính);
- Công ty cổ phần Phú Lâm Global (nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC:

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CUNG ỨNG NƯỚC KHOÁNG; SẢN XUẤT, KINH DOANH CÁC DỊCH VỤ SỬ DỤNG NƯỚC KHOÁNG MỸ LÂM TẠI PHƯỜNG MỸ LÂM, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 2357 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: "Dự án khai thác và cung ứng nước khoáng; sản xuất, kinh doanh các dịch vụ sử dụng nước khoáng Mỹ Lâm tại phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang".

- Địa điểm thực hiện: phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phú Lâm Global.

1.2. Phạm vi, quy mô

1.2.1. Diện tích sử dụng đất:

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 44.680,4 m^2 bao gồm:

+ Khu vực khai thác mỏ nước khoáng LK13, DT3, LK2 thuộc tổ dân phố Mỹ Lâm 4, phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang với diện tích đất khoảng 5.400 m^2.

+ Khu vực xây dựng nhà máy nước khoáng đóng chai và các công trình khác thuộc tổ dân phố Mỹ Lâm 5, phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang với diện tích quy hoạch khoảng 39.280,4 m^2 (*theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 09/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND phường Mỹ Lâm*).

1.2.2. Quy mô, công suất:

- Công suất: Khai thác 1.480 m^3 nước khoáng/ngày đêm để cung cấp nước khoáng cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ tắm khoáng, sản xuất nước khoáng đóng chai; xây dựng trạm bơm tăng áp và hệ thống các tuyến ống nước khoáng nóng cấp I, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn I (đã thực hiện): Khai thác nước khoáng tại lỗ khoan LK13 với công suất khoảng 492 m^3/ngày đêm.

+ Giai đoạn II: Thăm dò và khai thác lỗ khoan LK2, DT3 với công suất dự kiến 988 m^3/ngày đêm để nâng công suất khai thác nước khoáng thương phẩm/tổng 3 lỗ khoan đạt khoảng 1.480 m^3/ngày đêm (trong đó, cung ứng cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ tắm khoáng khoảng 1.430 m^3/ngày đêm; nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai khoảng 50 m^3/ngày đêm); đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp và hệ thống tuyến ống nước khoáng nóng cấp I; đầu tư xây dựng nhà máy nước khoáng đóng chai và các hạng mục còn lại, hoàn thành đưa dự án vào sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư xây dựng hệ thống tuyến ống nước khoáng nóng cấp I tổng chiều dài toàn tuyến: 24.152 m, bao gồm:

+ Tuyến ống số 1 - trung tâm phường Mỹ Lâm dài 9.144 m.

+ Tuyến ống số 2: Từ Quốc lộ 37 vào khu vực xã Nhữ Khê (QL2D) dài 7.910 m - ống PPR DN125 PN10.

+ Tuyến ống số 3: Từ Km 224+555 đi đường nội đồng ra Cầu Gạo dài 7.098 m.

- Thời hạn hoạt động của dự án: Theo thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác nước khoáng: máy bơm được nối với hệ thống phân phối nước để cung cấp nước khoáng cho Nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ tắm khoáng, trên địa bàn phường Mỹ Lâm và vùng lân cận.

Quy trình khai thác: lỗ khoan LK2, LK13, DT3 → máy bơm → đường ống dẫn nước khoáng → nơi tiêu thụ.

- Công nghệ sản xuất nước khoáng đóng chai: Lỗ khoan DT3 → máy bơm → đường ống dẫn nước khoáng → Bồn chứa cách ly → Bộ lọc cát mangan → Bộ lọc than hoạt tính, trao đổi ion Natri → Bộ lọc tinh → hệ thống thẩm thấu RO → Hệ thống làm sạch → Bơm định lượng ion → Tiệt trùng tia UV → Máy tạo ôzôn → Bồn chứa nước lọc → bơm nước lọc → đóng chai.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

a) Các hạng mục công trình đã được xây dựng

- Các giếng khai thác LK13, LK2 và DT3 là các lỗ khoan thăm dò đã được xây dựng hoàn thiện kết cấu lỗ khoan khai thác, không có hoạt động cải tạo, nâng cấp.

- Tại khu vực giếng khai thác LK13 Công ty cổ phần Phú Lâm Global đã xây dựng các công trình trong giai đoạn 1 của dự án gồm: cải tạo, nâng cốt nền nhà bảo vệ và khu đất thực hiện dự án (1.817,5 m²) lên thêm 2,5m bằng cốt xung quanh; đào và thi công thêm đường ống dẫn khoáng số 2 nối từ lỗ khoan LK13 đến khu đô thị Vingroup với chiều dài 50m; xây dựng tường rào (bằng lưới B40) xung quanh dự án.

b) Các công trình tiếp tục xây dựng trong giai đoạn II:

b1) Xây dựng nhà bảo vệ giếng khoan LK2 và DT3 diện tích là 20 m²; San đất, dựng hàng rào đới bảo vệ vi sinh khu vực xung quanh lỗ khoan, đổ đất để tạo cốt về mặt bằng +42,5m (Lỗ khoan LK2) và +45,7m (Lỗ khoan DT3), lắp đặt hàng rào và các biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh khu vực mặt bằng lỗ khoan.

b2) Xây dựng tuyến ống dẫn khoáng tổng chiều dài toàn tuyến: 24.152 m, bao gồm các tuyến như sau:

(1) Tuyến ống số 1 - trung tâm phường Mỹ Lâm dài 9.144m

- Đoạn từ giếng DT3 về hố van tổng tại cọc 86 (Cầu Mỹ Lâm - Vingroup) dài 558 m - ống PPR DN110 PN16 (Trong đó đoạn từ giếng DT3 ra QL37: 60 m; từ QL37 ra cọc 86: 498 m).

- Đoạn từ giếng DT3 đi nhà máy nước khoáng đóng chai ra Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm đấu nối QL37 dài 3.286 m. Trong đó:

+ Đoạn từ DT3 đến Km 230+805,71 QL37 dài 746 m - ống PPR DN110 PN16

+ Đoạn từ Km 230+805,71 QL37 đến Nhà máy nước khoáng đóng chai dài 600 m - ống PPR DN110 PN10.

+ Đoạn từ Nhà máy nước khoáng đóng chai về Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm - ra QL37 dài 1.940 m - ống PPR DN90 PN12,5.

- Đoạn từ giếng LK2 ra cụm van tại cầu Vingroup dài 723 m - ống PPR DN125 PN16.

- Từ cụm van (cầu Vingroup) cọc 86 đến Km 224+555 QL37 (Nhà máy nước sạch Mỹ Lâm) dài 4.577 m. Trong đó:

+ Đoạn từ cọc 86 đến cọc 18 (QL37) dài 3.031 m - ống PPR DN180 PN16 và ống PPR DN180 PN10

+ Đoạn từ cọc 18 đến Km 224+555 QL37 dài 1.064 m - ống PPR DN110 PN12,5

+ Đoạn từ cụm van đến điểm khoan qua đường tại cọc 80 cấp cho Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm dài 482 m PPR DN 90 PN16

(**2) Tuyến ống số 2:** từ Quốc lộ 37 vào khu vực xã Nhữ Khê (QL2D) dài 7.910 m - ống PPR DN125 PN10

(**3) Tuyến ống số 3:** từ Km 224+555 đi đường nội đồng ra Cầu Gạo dài 7.098 m. Trong đó:

- Đoạn từ Km 224+555 đến giếng khoan nước sạch KP7 (NT1) dài 1.538 m- ống PPR DN110 PN10.

- Đoạn từ giếng KP7 (NT1) đến Cầu Gạo (C3) dài 5.560 m ống DN110 PN10

b3) Xây dựng Nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai công suất 50 m^3/ngày có diện tích khoảng 39.280,4 m^2, gồm các công trình: Khu vực sản xuất nằm phía Bắc dự án, gồm 02 nhà xưởng diện tích khoảng 13.991,8 m^2; Khu vực nhà điều hành diện tích khoảng 3.856,7 m^2 (gồm nhà điều hành, văn phòng chuyên gia và trung tâm giới thiệu sản phẩm).

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Nhà để xe, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, trạm điện, trạm xử lý nước thải...

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của 03 giếng khoan LK2, LK13, DT3 và Nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai.

- 02 bể tự hoại dung tích tổng 25 m^3.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25,0 m^3/ngày đêm.

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m^2.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động cải tạo xây dựng nhà bảo vệ khu vực các giếng khoan.

- Hoạt động thi công đường ống dẫn nước khoáng nóng từ các giếng khoan về nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và đến các địa điểm tiêu thụ.

- Hoạt động thi công xây dựng nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bơm hút khai thác nước khoáng.

- Hoạt động sản xuất nước khoáng đóng chai tại nhà máy phát sinh nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

2.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Hoạt động phá dỡ công trình, trám lấp giếng khoan có nguy cơ làm ô nhiễm các giếng khoan.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình san ủi mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên, nhiên vật liệu, đất thải, phế thải xây dựng và hoạt động thi công xây dựng nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai, và thi công cải tạo các công trình bảo vệ các giếng khoan. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO_2, NOx, CO…; Khí thải từ hoạt động hàn, hơi hữu cơ từ hoạt động sơn. Bụi, khí thải phát sinh cục bộ theo các thời điểm thi công xây dựng, không tạo thành dòng thải tập trung và nhanh chóng khuếch tán vào không khí, có thể giảm thiểu bằng các biện pháp thi công.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Giai đoạn vận hành không phát sinh khí thải công nghiệp đáng kể; phát sinh mùi từ trạm xử lý nước thải do quá trình phân hủy các chất hữu cơ, chủ yếu gồm NH3, H2S, CH4.

c) Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường

Hoạt động cải tạo phục hồi môi trường chỉ phát sinh một lượng nhỏ bụi, khí thải từ các phương tiện thiết bị tháo dỡ công trình, chám lấp lỗ khoan, mức độ tác động đến môi trường không đáng kể.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu ở khu vực thi công xây dựng nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai. Khối lượng phát sinh khoảng 3,0 m^3/ngày đêm. Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải gồm: TSS, BOD, NH_4, Photphat, chất hoạt động bề mặt.

- Nước thải thi công xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, xây dựng, đào hố móng và thi công các hạng mục của nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai. Khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 20 m^3/ngày. Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn chảy ra suối gần khu vực nhà máy. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

+ Tính chất: Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người lao động làm việc tại nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai. Khối lượng phát sinh khoảng 4,0 m^3/ngày. Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải gồm: TSS, BOD, NH4, Photphat, chất hoạt động bề mặt.

- Nước thải từ hoạt động súc bình và rửa lọc trong quá trình sản xuất nước đóng chai phát sinh khoảng 15,0 m^3/ngày. Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải gồm: cặn lơ lửng, NH_4^+, NO^-.

- Nước mưa chảy tràn chảy ra suối gần khu vực nhà máy. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

c) Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: không phát sinh nước thải

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên thi công xây dựng. Khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại chất hữu cơ, giấy vụn, nilon, vỏ lon bia, nước ngọt, vỏ chai lọ,…

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình phụ trợ. Khối lượng phát sinh khoảng 154,35 tấn. Thành phần chủ yếu gồm bao bì VLXD, sắt thép vụn, vật liệu xây dựng thải,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động và sửa chữa các phương tiện cơ giới, thay thế thiết bị. Khối lượng phát sinh khoảng 248 kg/năm. . Thành phần chủ yếu gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, thùng can đựng dầu mỡ và

dầu bôi trơn, pin, ắc quy thải, vỏ thùng sơn, cặn sơn…

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của người lao động làm việc nhà máy sản xuất nước đóng chai. Khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại chất hữu cơ (rau, củ, cơm thừa,…), giấy vụn, nilon, vỏ lon bia, vỏ hộp, vỏ chai lọ,…

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: màng nhựa, bao bì nhựa, bình nhựa gallon 20 lít, chai PET hỏng, nắp chai nhựa, bao nylon, giấy carton.

- Chất thải phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động và sửa chữa nhỏ tại Nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai. Khối lượng phát sinh khoảng 10,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: pin, ắc quy thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử chứa các thành phần nguy hại, Các loại dầu mỡ thải động cơ và bôi trơn thải khác; Bao bì đựng hoá chất xử lý nước, hóa chất tẩy rửa, Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải.

c) Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình tháo dỡ các hạng mục công trình tại các giếng khoan LK2, LK13 và DT3. Khối lượng phát sinh không lớn, thành phần chủ yếu gồm các loại gạch, đá, sà bần và sẽ được tận dụng làm vật liệu san lấp.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ các trang thiết bị, máy móc công suất lớn phương tiện phục vụ thi công xây dựng và trong nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai.

3.4. Các tác động khác

Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ. Trong quá trình thi công xây dựng có thể xảy ra một số tai nạn lao động.

3.5. Các rủi ro, sự cố môi trường

- Các rủi ro, sự cố do thay đổi chất lượng nước, hạ thấp mực nước do hoạt động khai thác giếng khoan LK2, LK13 và DT3.

- Sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tưới ẩm bề mặt khu vực thi công xây dựng với tần suất 02 lần/ngày (những ngày thời tiết nắng nóng, khô hanh tăng tần suất tưới nước lên 4 lần/ngày) nhằm hạn chế phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực mặt bằng xây dựng để giảm thiểu phát tán bụi và tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Che chắn các phương tiện vận chuyển đất đá trong nội bộ công trường bằng bạt phủ, không chở quá chiều cao thùng xe để tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển để đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt. Không sử dụng các loại xe, máy móc đã hết khấu hao để vận chuyển và thi công công trình.

- Không chuyên chở vật liệu quá tải trọng quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang, quần áo, mũ, găng tay,...cho công nhân lao động trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực đường dẫn vào dự án định kỳ hạn chế đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Kịp thời khắc phục, sửa chữa hư hỏng trên đường vận chuyển nhằm giảm rơi vãi nguyên liệu, hạn chế phát tán bụi.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Lắp đặt thiết bị thu và khử mùi bằng tháp hấp thụ than hoạt tính và tháp xử lý khí bằng dung dịch NaOH và Chế phẩm vi sinh khử mùi, lưu lượng 800 - 1.250 m^3/h.

- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông và các công trình công cộng trong phạm vi Dự án, đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định, hạn chế tốc độ xe chạy nhỏ hơn 30 km/h trong các tuyến đường nội bộ trong khu vực Dự án.

- Khử mùi hôi tại chỗ bằng các chế phẩm khử mùi.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Tưới ẩm bề mặt khu phá dỡ công trình nhằm hạn chế phát tán bụi. Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực cải tạo thuộc phạm vi dự án nhằm hạn chế bụi phát sinh.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện để các thiết bị có thể làm việc ở điều kiện tốt nhất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang, quần áo, mũ, găng tay,...cho công nhân lao động trong quá trình cải tạo dự án.

d) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động buồng đơn dung tích 1,0 m^3/nhà vệ sinh di động phục vụ hoạt động vệ sinh của công nhân thi công tại công trường. Toàn bộ chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng xử lý định kỳ.

- Nước thải xây dựng: Sử dụng các hố lắng để lắng lọc, tận dụng nước để rửa dụng cụ thi công cho các lần tiếp theo.

- Nước mưa chảy tràn: Thi công rãnh đất thoát nước tạm thời, bố trí các hố ga lắng cặn. Ưu tiên thi công hệ thống mương thoát nước trước để đảm bảo công tác tiêu thoát nước trong mùa mưa.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Xây dựng lắp đặt hệ thống thu gom nước thải từ các khu vệ sinh về 02 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 12,5 m^3) và hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất tại Nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai. Nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực.

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh chung → bể tự hoại 03 ngăn → HTXL nước thải → nguồn tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống cống thoát nước mưa dọc tim đường, nằm dưới lòng đường, ống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, lắp ghép, tải trọng thiết kế HL93. Nước mưa từ mặt đường và vỉa hè chảy về hệ thống đan rãnh sau đó chảy vào các ga thu trực tiếp bằng Bê tông cốt thép B20 sau đó theo cống ngang D400 thoát vào các cống dọc tuyến D600 và D800 tại tim đường xả ra kênh hồ trong dự án và thoát ra ngoài kênh thoát nước chung của khu vực. Khoảng cách giữa các ga trung bình từ 20-30 m.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 3 thùng đựng rác dung tích 120 lít tại 03 nhà vệ sinh di động. Tại mỗi vị trí sẽ đặt 01 thùng rác 3 ngăn dung tích 120 lít, trên mỗi ngăn ghi nhãn mác đầy đủ từng loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ nhà vệ sinh di động với tần suất 1-2 tuần/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh trên công trường xây dựng theo kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng hoặc tự xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

+ Các phế liệu nhựa, đầu sắt, thép, bao bì,... được thu gom vào 01 thùng dung tích 240 lít bằng nhựa HDPE, sau đó bán cho cơ sở thu gom phế liệu.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với khu khai thác: 01 thùng rác 03 ngăn với dung tích 120 lít, mỗi ngăn có gắn mác của từng loại rác thải đảm bảo phân loại rác thải ngay tại nguồn theo đúng Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường gồm 01 ngăn chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; 01 ngăn chứa chất thải thực phẩm và 01 ngăn chứa CTRSH khác.

+ Đối với khu vực nhà máy sản xuất nước khoáng: đặt thùng rác 03 ngăn dung tích 60 lít. Với tổng số thùng là 05 thùng.

+ Ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn sản xuất: Đối với các loại chất thải rắn như giấy, vỏ chai hỏng,…được thu gom thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Tận dụng chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình làm vật liệu san lấp cho các công trình trong khu vực.

d) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại: Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 60 lít và 01 thùng phuy dung tích 120 lít (chứa chất thải lỏng trong trường hợp xảy ra sự cố). Sử dụng 01 kho chất thải nguy hại tạm thời tại Dự án với diện tích 15m^2, được quây tôn xung quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông chống thấm, bên ngoài có biển báo nguy hiểm và chống lửa theo đúng quy định. Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, thuê đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chất thải nguy hại:

- Bố trí 05 thùng chứa CTNH dung tích 60 lít và 1 thùng phuy dung tích 120 lít (chứa chất thải lỏng trong trường hợp xảy ra sự cố), thu gom và lưu giữ các loại chất thải nguy hại và xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai với diện tích 15 m² để chứa các chất thải nguy hại thu gom từ các khu vực của dự án.

- Thuê đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Thu gom chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình cải tạo phục hồi môi trường về kho chứa tại nhà máy. Khi kết thúc dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

d) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thường xuyên bảo dưỡng máy, thiết bị làm việc tại Dự án, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh khu vực triển khai Dự án nhằm giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình vận hành máy bơm.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình thực hiện Dự án.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố nhiễm bẩn và thay đổi chất lượng nước:

+ Thực hiện thau rửa định kỳ lỗ khoan khai thác để tránh nhiễm bẩn giếng và đảm bảo hoạt động hệ thống khai thác.

+ Định kỳ lấy mẫu nước phân tích và lập biểu đồ so sánh để theo dõi những biến đổi về chất lượng của nguồn nước.

+ Không xây dựng các công trình nhà ở hay các công trình khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố sụt lún và hạ thấp mực nước

+ Không khai thác vượt quá công suất cho phép.

+ Thực hiện quan trắc động thái nước dưới đất; hàng ngày đo mực nước động và tổng hợp số liệu đo lập biểu đồ để đánh giá mức độ ổn định của mực nước tại giếng khoan LK2, LK13 và DT3.

+ Dừng hoạt động khai thác và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để đưa ra các giải pháp khắc phục khi phát hiện sự cố bất thường trong quá trình khai thác.

4.5.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Chủ dự án phải có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ

cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

4.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.6.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khu vực giếng khoan LK2, LK13 và DT3: tháo dỡ máy bơm, hệ thống ống chống, ống lọc, ống lắng; trám lấp giếng khoan bằng sét bentonite, san gạt và trồng cây xoài.

- Khu phụ trợ: tháo dỡ nhà điều hành và bảo vệ bơm; tháo dỡ hệ thống đường ống cấp nước khoáng nóng, hệ thống cấp điện; tháo dỡ tường bao xung quanh đới phòng hộ; phủ đất màu và trồng cây xoài; san lấp đoạn tuyến chôn ngầm hệ thống đường ống dẫn nước và trồng cây xà cừ.

- Trồng cây xoài mật độ 2.000 cây/ha trên toàn bộ mặt bằng khu vực giếng khoan và mặt bằng khu phụ trợ sau khi tháo dỡ các trang thiết bị phục vụ khai thác nước khoáng; trồng bổ sung cây xà cừ trên đoạn tuyến đường có chôn ngầm hệ thống ống dẫn nước.

Thời gian thực hiện: Khi Dự án kết thúc khai thác.

4.6.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng số tiền phương án cải tạo phục hồi môi trường là: 1.267.441.010 đồng.

- Công ty đã nộp tiền ký quỹ cho dự án 02 lần theo Quyết định số 2999/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với tổng số tiền 30.683.132 đồng.

- Số tiền Công ty còn phải nộp là: 1.267.441.010 - 30.683.132 = 1.236.757.878 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng).*

- Số lần ký quỹ 30 lần, trong đó:

+ Ký quỹ lần đầu (15%) với số tiền là: 185.513.682 đồng *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng).* Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi (29 lần còn lại) với số tiền làm tròn là: 36.249.800 đồng/01 lần (*Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm đồng)*. Thời điểm ký quỹ: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

(Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý chất lượng môi trường không khí,

giám sát tiếng ồn, độ rung; giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; giám sát rủi ro, sự cố từ các hoạt động của dự án. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

(1) Giám sát chất thải rắn (CTR) thông thường, chất thải nguy hại (CTNH).

- Vị trí: Tại các khu vực thu gom, lưu chứa chất thải.

- Nội dung: Khối lượng phát sinh, phân định, phân loại các loại CTR và CTNH phát sinh để quản lý và xử lý theo quy định.

(2) Giám sát khác: Giám sát an toàn lao động.

Tần suất: hàng ngày.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X = 2408169,02, Y = 408434,41 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3°).

- Thông số giám sát: pH; BOD_5; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan; Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N); dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat (tính theo P); tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

b). Giám sát CTR thông thường, CTNH

- Vị trí: Tại các khu vực thu gom, lưu chứa chất thải.

- Nội dung: Khối lượng phát sinh, phân định, phân loại các loại CTR và CTNH phát sinh để quản lý và xử lý theo quy định.

- Tần suất: 6 tháng/lần.

c) Giám sát khác

- Giám sát hệ thống cấp thoát nước:

+ Nội dung: kiểm tra, kịp thời xử lý sự cố (rò rỉ, nứt, vỡ,…) đường ống cấp nước, kiểm tra sự lưu thông của hệ thống thoát nước, định kỳ nạo vét, khơi thông bùn cặn, rác thải trong đường ống thoát nước, hố ga.

+ Tần suất: 6 tháng/lần.

- Giám sát sự sụt lún của công trình:

+ Nội dung: quan sát, theo dõi các hiện tượng sụt lún, đứt gãy của các công trình; kết quả theo dõi được ghi lại trong nhật ký theo dõi của cán bộ phụ trách kỹ thuật. Kịp thời đề xuất biện pháp khắc phục, gia cố lại công trình khi có sự cố xảy ra.

+ Tần suất: 6 tháng/lần.

+ Vị trí: khu vực khuôn viên nhà máy nước khoáng đóng chai.

- *Giám sát hoạt động khai thác:*

Thực hiện chương trình giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 92 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Cụ thể:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng khai thác; Mực nước trong giếng khai thác; Chất lượng nước trong quá trình khai thác.

+ Hình thức, chế độ giám sát: Thực hiện giám sát tự động, trực tuyến đối với thông số: Lưu lượng khai thác; Tần suất không quá 01 giờ 01 lần; Thực hiện giám sát định kỳ đối với thông số: mực nước trong giếng khai thác và chất lượng nước trong quá trình khai thác. Tần suất không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 10 giờ sáng ngày hôm sau đối với thông số mực nước; đối với thông số chất lượng nước trong quá trình khai thác, thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

- *Giám sát sụt lún:* Vị trí giám sát: tại khu vực giếng khoan khai thác. Tần suất: 1 tháng/lần.

5.2.3. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường

- Thông số giám sát: sạt lở, sụt lún, khả năng phát triển của cây,...

- Địa điểm: Tại khu vực giếng khoan khai thác.

- Tần suất: 1 tháng/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Công ty cổ phần Phú Lâm Global chịu trách nhiệm:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật; hoàn thành thủ tục cấp phép khai thác LK2, DT3 trước khi vận hành khai thác tại giếng LK2, DT3; chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Bảo đảm sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Theo dõi, giám sát sụt lún, giám sát an toàn công trình để có giải pháp

xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, sụt lún; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định về phòng, chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.